

Số: 88.../TB-ĐHV L

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2022

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm học 2022-2023, Trường Đại học Văn Lang thông báo tuyển sinh cao học các ngành cụ thể như sau:

I. Các ngành tuyển sinh

STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Quản trị Kinh doanh	8340101
2	Kinh doanh Thương mại	8340121
3	Tài chính Ngân hàng	8340201
4	Công nghệ Sinh học	8420201
5	Kỹ thuật Môi trường	8520320
6	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	8850101
7	Kiến trúc	8580101
8	Quản trị Khách sạn	8810201
9	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	8810103
10	Ngôn ngữ Anh	8220201
11	Mỹ thuật ứng dụng	8210410
12	Luật Kinh tế	8380107
13	Kế toán	8340301



II. Học bổ sung kiến thức

Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành khác với ngành dự tuyển sẽ phải tham gia học bổ sung kiến thức một số môn theo quy định của Nhà trường.

III. Thông tin về chương trình đào tạo

1. Thời gian đào tạo và điều kiện dự tuyển

1.1. Thời gian đào tạo: 1,5 năm (18 tháng).

1.2. Điều kiện dự tuyển

Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự tuyển cần học bổ sung kiến thức (các môn học bổ sung kiến thức được xác định dựa trên bảng điểm trình độ đại học của thí sinh).

Văn bằng Đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định.

Thí sinh có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

1.2.1 Điều kiện văn bằng

Thí sinh cần thỏa mãn một (01) trong các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp đại học hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

b. Đã tốt nghiệp đại học hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển, đã hoàn thành học bổ sung kiến thức theo quy định.

c. Trường hợp văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định.

1.2.2 Điều kiện Ngoại ngữ

Thí sinh dự tuyển cần thỏa mãn một (01) trong các điều kiện sau:

a. Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (tham khảo tại phụ lục đính kèm).

b. Có bằng tốt nghiệp đại học, Thạc sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định.

c. Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

e. Thí sinh dự tuyển là công dân người nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng Tiếng Việt phải đạt trình độ Tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng Tiếng Việt.

f. Thí sinh dự tuyển chuyên ngành Ngôn ngữ Anh: Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác Tiếng Anh do một tổ chức khảo thí được Quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ khác Tiếng Anh.



2. Các đợt tuyển sinh năm 2022

Đợt tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ		Thời gian công bố kết quả trúng tuyển	Thời gian nhập học (Dự kiến)
	Từ ngày	Đến ngày		
Đợt 1	10/02/2022	05/05/2022	19/05/2022	04/06/2022
Đợt 2	06/05/2022	05/08/2022	19/08/2022	03/09/2022
Đợt 3	06/08/2022	05/11/2022	19/11/2022	03/12/2022

IV. Hồ sơ đăng ký - Lệ phí và học phí

1. Hồ sơ đăng ký

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu).
- Lý lịch học viên (theo mẫu) xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú.
- Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao y công chứng).

4. Lệ phí và học phí:

STT	Khoản mục	Số tiền (đồng)	Diễn giải
1	Lệ phí xét tuyển	600.000	Phí xét tuyển hồ sơ.
2	Lệ phí nhập học	1.500.000	Thủ tục nhập học, thẻ học viên, giấy tờ được cấp trong suốt quá trình học,...
3	Lệ phí học bổ sung kiến thức	1.200.000 đồng/môn	Học viên học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường.
4	Học phí	80.000.000 đồng* (100.000.000 đồng**)	Học phí toàn khóa học.

(*) Về mức học phí áp dụng chung cho toàn khóa học đối với tất cả các ngành (trừ ngành Mỹ thuật ứng dụng) là 80.000.000 đồng. Học viên có thể chia ra làm 03 lần đóng, cụ thể như sau:

- **Lần 1:** 20.000.000 đồng;
- **Lần 2:** 30.000.000 đồng;
- **Lần 3:** 30.000.000 đồng.

(**) Về mức học phí cho toàn khóa học đối với ngành Mỹ thuật ứng dụng là 100.000.000 đồng. Học viên có thể chia ra làm 03 lần đóng, cụ thể như sau:

- **Lần 1:** 30.000.000 đồng;
- **Lần 2:** 35.000.000 đồng;
- **Lần 3:** 35.000.000 đồng.

5. Phương thức thanh toán học phí

Học viên chuyển khoản từ tất cả các ngân hàng đến tài khoản ngân hàng của Nhà trường, theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**
- Số tài khoản: **1602201363522**
- Ngân hàng thụ hưởng: **Ngân hàng Agribank CN3 – HCM**
- Nội dung chuyển khoản: **Mã số học viên – Họ và tên học viên**

V
ÔNG
HỌC
LANG

- d. Bảng điểm đại học (*bản sao y công chứng*).
- e. Chứng chỉ Ngoại ngữ (*bản sao y công chứng*).
- f. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý Chất lượng (*đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp*).
- g. 04 ảnh 3x4.
- h. Giấy khai sinh (*bản sao y công chứng*).
- i. Giấy khám sức khỏe.
- j. Chứng chỉ chuyển đổi kiến thức (*bản sao y công chứng, nếu có*).
- k. Giấy xác nhận thâm niên công tác (*nếu có*).
- l. Hồ sơ chứng minh đối tượng ưu tiên (*nếu có*).

2. Hình thức đăng ký dự tuyển

- a. Nộp hồ sơ trực tuyến qua: <http://www.saudaihoc.vanlanguni.edu.vn> sau khi hoàn thành việc đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ bản sao y công chứng về phòng Sau đại học trước ngày công bố kết quả trúng tuyển 10 ngày.
- b. Nộp trực tiếp: tại Phòng Sau Đại học hoặc gửi qua Bưu điện.

3. Chính sách học bổng

Đối với trường hợp học viên cùng lúc có nhiều chính sách miễn giảm học phí, thì chỉ được chọn một mức chính sách cao nhất để áp dụng.

3.1. Chính sách miễn giảm học phí

- a. Giảm 5% học phí toàn khóa học cho học viên đóng hết 01 lần.
- b. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho hai vợ chồng cùng học.
- c. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho hai anh em cùng gia đình cùng học.
- d. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho cựu sinh viên Văn Lang.

3.2. Chính sách học bổng đối với Cựu sinh viên Văn Lang (tốt nghiệp không quá 24 tháng)

- a. Sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc được xét tuyển thẳng và học bổng 100% học phí toàn khóa học.
- b. Sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi được xét tuyển thẳng và học bổng 70% học phí toàn khóa học.
- c. Sinh viên tốt nghiệp loại Khá được xét tuyển thẳng và học bổng 30% học phí toàn khóa học.

V. Thông tin liên hệ:

Phòng Sau Đại học – Trường Đại học Văn Lang

Điện thoại: (028) 7101 6869 (Ext: 3650)

Hotline: 0936 651 650 hoặc 0965 321 020

Email: saudaihoc@vlu.edu.vn - saudaihocvlu@gmail.com

Website: <http://www.saudaihoc.vanlanguni.edu.vn>

Địa chỉ: Trụ sở chính Trường Đại học Văn Lang, Số 69/68 Đặng Thùy Trâm, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. *hoc*

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT;
- VP. Ban Giám hiệu;
- Các Khoa, Viện, Phòng, Ban;
- Thông báo trên trang thông tin điện tử;
- Lưu: P.HC&QTNNL, P.SĐH.



PHỤ LỤC

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương **Bậc 3 và **Bậc 4** khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ**

(Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Đầu vào tương đương Bậc 3	Đầu ra tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		CEFR	B1	B2
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 -159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 -159 Viết: 120 -149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 -179
		APTIS	151 - 175	176 - 200
		VNU-EPT	226 - 250	251 - 275
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

